

Số: 691 /BC-UBND

Đắk Nông, ngày 23 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình kết luận của Thường trực HĐND tỉnh và ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh khóa IV tại Phiên họp thứ 38 (Thông báo số 52/TB-HĐND ngày 23/10/2023) và ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh (Báo cáo số 75/BC-HĐND ngày 20/10/2023) đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo việc tiếp thu ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh và Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh tại các văn bản nêu trên, như sau:

1. Về hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị quyết

Việc xây dựng Dự thảo Nghị quyết cơ bản đáp ứng yêu cầu về trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 114 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị quyết sửa đổi cần đảm bảo đầy đủ, trong đó có báo cáo đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách được triển khai thực hiện trong thời gian qua, dự báo khả năng thực hiện nhiệm vụ và giải ngân nguồn vốn được giao trong những tháng cuối năm. Đánh giá kết quả bố trí vốn đối ứng của các địa phương theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 05 từ năm 2022 đến nay đã đảm bảo phù hợp với điều kiện, khả năng đối ứng của các địa phương; việc cam kết và khả năng cân đối, bố trí vốn đối ứng của các địa phương sau khi sửa đổi, bổ sung một số nội dung dự kiến trình HĐND tỉnh thông qua tại Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 8. Do đó, đề nghị UBND tỉnh bổ sung báo cáo trên cho các đại biểu HĐND tỉnh nghiên cứu, có căn cứ, cơ sở đánh giá, xem xét và quyết nghị.

*** Ý kiến của UBND tỉnh:** Thống nhất, tiếp thu các ý kiến nêu trên và bổ sung Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết và đánh giá thực trạng các vấn đề có

liên quan đến việc đề xuất sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông (đính kèm theo).

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

2.1. Về tên gọi dự thảo Nghị quyết: Đề nghị điều chỉnh tên gọi dự thảo Nghị quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và theo mẫu số 36, phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ/CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, như sau: ***Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều...***

Đồng thời, tại Điều 1 Dự thảo Nghị quyết đề nghị viết lại để thống nhất với tên dự thảo Nghị quyết như sau: ***“Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều...”***

*** Ý kiến của UBND tỉnh:** Thống nhất, tiếp thu các ý kiến nêu trên và đã chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

2.2. Theo đề nghị của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết dự kiến sửa đổi, bổ sung 05 nội dung tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05 của HĐND tỉnh.

Qua nghiên cứu, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh nhận thấy, việc sửa đổi 03 nội dung theo đề xuất của UBND tỉnh gồm: Dự án 2 “Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo”; Tiểu Dự án 1, Dự án 3 “Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp”; Dự án 7 về “Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình là phù hợp tình hình thực tế hiện nay.

Riêng đối với 02 nội dung: “Cải thiện dinh dưỡng” và “Truyền thông về giảm nghèo”, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh có ý kiến như sau:

a) Về nội dung “Cải thiện dinh dưỡng”:

Theo dự kiến tại Dự thảo Nghị quyết, dự án này sẽ điều chỉnh “phân bổ 100% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh (Sở Y tế) chủ trì Tiểu dự án để triển khai thực hiện” (Nghị quyết số 05 là 20%), với lý do Phòng y tế cấp huyện không đủ nhân lực, năng lực, chuyên môn nghiệp vụ để triển khai nhiệm vụ. Tuy nhiên, tại khoản 8 Điều 2 Nghị quyết số 99/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội giám sát chuyên đề về việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19; việc thực hiện chính sách pháp luật về y tế ở cơ sở, y tế dự phòng, quy định: “Thực hiện thống nhất Trung tâm y tế cấp huyện trực thuộc UBND huyện...” và hoàn thành trước ngày 01/7/2025 theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 99/2023/QH15; đồng thời, hiện nay trên toàn quốc đã có 04/63 tỉnh thành quy định Trung tâm y tế cấp huyện là đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện

theo Công văn số 3106/BYT-TCCB ngày 23/5/2023 của Bộ Y tế về việc đánh giá cơ chế quản lý và mô hình tổ chức đối với Trung tâm y tế cấp huyện. Do đó, đề nghị UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện chủ trương nêu trên hiện nay tại tỉnh Đắk Nông và giải trình cụ thể cơ sở thực tiễn và sự phù hợp của nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung tại Tờ trình số 5845/TTr-UBND ngày 03/10/2023.

* **Ý kiến của UBND tỉnh:** Đối với nội dung này, UBND tỉnh Báo cáo như sau:

- Về cơ sở pháp lý: Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Phòng Y tế thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 07/TT-BYT ngày 27/5/2021 của Bộ Y tế về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

Theo đó, tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ chế quản lý Trung tâm Y tế cấp huyện là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế. Do đó, việc sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về nguyên tắc phân cấp thực hiện Chương trình là để phù hợp với cơ chế quản lý và mô hình y tế hiện nay của tỉnh (đang có hiệu lực).

Nghị quyết số 99/2023/QH15, ngày 24/6/2023 của Quốc hội, có lộ trình và thời gian khá dài nên việc đợi Chính phủ, các bộ ban ngành cụ thể hóa thành các Luật, các Nghị định,... hướng dẫn triển khai mô hình, cơ chế quản lý đối với các đơn vị Trung tâm Y tế cấp quận/huyện. Hiện nay, vẫn chưa có chỉ đạo hay văn bản triển khai nào từ các cơ quan trung ương.

- Về cơ sở thực tiễn: Theo các quy định, kinh phí thực hiện Tiểu dự án 2 Cải thiện dinh dưỡng (Chương trình giảm nghèo bền vững) được UBND các huyện giao cho Phòng Y tế làm đầu mối để tham mưu, triển khai. Trên thực tế, Phòng Y tế cấp huyện hiện nay có biên chế rất ít (02-03 người) nên không đảm bảo được (nhân lực, chuyên môn) để triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia liên quan lĩnh vực y tế.

Đặc biệt hiện nay, một số huyện đã sáp nhập Phòng Y tế vào Văn phòng UBND huyện nên quá trình triển khai thực hiện còn gặp nhiều khó khăn (PYT huyện Đắk Song, PYT huyện Tuy Đức và PYT huyện Đắk Mil).

Bên cạnh đó, Trung tâm Y tế cấp huyện đủ năng lực để thực hiện các nội dung của Tiểu dự án, thì Trung tâm y tế cấp huyện lại là đơn vị trực thuộc Sở Y tế, là đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Y tế (đơn vị dự toán cấp 1), kinh phí hoạt động của Trung tâm Y tế huyện không thuộc phạm vi điều hành của ngân sách huyện. Do đó, theo Luật ngân sách UBND huyện không thể giao vốn về Trung tâm y tế cấp huyện để triển khai dự án.

Quá trình thực hiện Tiểu dự án thuộc Chương trình sẽ có công tác thanh kiểm tra, kiểm toán, trên thực tế nếu để Trung tâm Y tế cấp huyện tổ chức thực

hiện và Phòng Y tế cấp huyện thực hiện thanh quyết toán, thì sẽ khó phân định trách nhiệm của các bên liên quan, nếu có sai sót trong quá trình tổ chức thực hiện.

Do đó, việc phân 100% nguồn vốn về Sở Y tế (cơ quan cấp tỉnh chủ trì tiêu dự án) là để thuận tiện trong quá trình thanh quyết toán và đảm bảo nguồn nhân lực, phù hợp điều kiện chuyên môn của Trung tâm Y tế các huyện. Đồng thời, tăng cường được sự hỗ trợ chuyên môn từ các đơn vị tuyến tỉnh trực thuộc Sở Y tế (*Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh, Chi cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình tỉnh*). Trên thực tế, quá trình triển khai các hoạt động cụ thể thực hiện Tiêu dự án như hỗ trợ cho bà mẹ, trẻ em tại các trường học, hộ gia đình thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các xã... Sở Y tế vẫn phải phối hợp với UBND các huyện để triển khai như hiện nay. Kinh phí thực hiện tiêu dự án sẽ được Sở Y tế thống nhất với UBND các huyện trước khi giao cho Trung tâm y tế các huyện nhằm đảm bảo phạm vi, đối tượng thụ hưởng Chương trình và phù hợp thực tiễn tại tỉnh. Sở Y tế là cơ quan quản lý, điều hành hoạt động (khi được phân bổ dự toán) để đảm bảo tiến độ thực hiện, nội dung tránh chồng chéo giữa các ngành, các cấp trong quá trình thực hiện Tiêu dự án trên địa bàn tỉnh.

Từ các lý do nêu trên, việc điều chuyển nguồn kinh phí thực hiện Tiêu Dự án 2 thuộc Dự án 3 Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững từ năm 2024-2025 về Sở Y tế để quản lý, sử dụng nhằm phù hợp với tình hình thực tiễn tại tỉnh và đảm bảo các quy định hiện hành.

b) Về nội dung: *“Truyền thông về giảm nghèo”*:

Trong thời gian qua, để triển khai các nội dung liên quan thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, các hoạt động truyền thông liên quan đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, để hoạt động truyền thông trong thời gian tới được kịp thời, nhanh chóng phát huy hiệu quả tốt nhất, cần phải tăng cường phân cấp hơn nữa cho hoạt động truyền thông tại cơ sở, giúp người dân kịp thời được tiếp cận, nắm bắt thông tin; đồng thời, sẽ thực hiện tốt nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp trao quyền cho địa phương ở cơ sở như đánh giá của UBND tỉnh nêu tại Tờ trình số 5845/TTr-UBND ngày 03/10/2023.

Do đó, đề nghị nghiên cứu, xem xét điều chỉnh tỷ lệ phân bổ vốn theo hướng như sau: *“Phân bổ 40% ngân sách Trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Tiêu dự án để triển khai thực hiện; Phân bổ 60% ngân sách Trung ương cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiêu dự án”*.

*** Ý kiến của UBND tỉnh:** Thống nhất, tiếp thu các ý kiến nêu trên và đã chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

2.3. Đối với đề xuất sửa đổi điểm a và điểm b khoản 3 Điều 1 của Dự Nghị quyết về nội dung: *“Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp”* và *“Cải thiện dinh dưỡng”*, đề nghị gộp chung và ghi là sửa đổi *“khoản 3”*, không tách riêng điểm a, điểm b dự thảo Nghị quyết như đề xuất, để các nội dung khác như *“tiêu chí và tỷ lệ phân bổ vốn cho huyện, thành phố”* khi nghị

quyết sửa đổi được ban hành vẫn còn hiệu lực và đảm bảo thống nhất trong việc thực hiện, viết lại như sau:

“Sửa đổi khoản 3 Điều 6, như sau:

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất...

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng...”.

*** Ý kiến của UBND tỉnh:** Thống nhất, tiếp thu các ý kiến nêu trên và đã chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

2.4. Đề nghị cơ quan trình văn bản rà soát lại việc quy định tại Dự thảo Nghị quyết: *“Phân bổ...cho cơ quan cấp tỉnh **chủ trì Dự án**...”* không thống nhất với các nội dung được quy định tại Nghị quyết số 05: *“Phân bổ...cho cơ quan cấp tỉnh **chủ quản Dự án** ...”*. Trường hợp cần thiết phải sửa đổi quy định **“chủ quản”** thành **“chủ trì”**, đề nghị UBND tỉnh báo cáo, giải trình, đề xuất sửa đổi đầy đủ các nội dung tại Nghị quyết số 05 và bổ sung trong Dự thảo Nghị quyết.

*** Ý kiến của UBND tỉnh:** Thống nhất, tiếp thu các ý kiến nêu trên và đã chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết khoản “5. Thay thế cụm từ “chủ quản” bằng cụm từ “chủ trì” tại các khoản 2, 3, 4, 6, 7 Điều 6.”

Đồng thời, UBND tỉnh báo cáo, giải trình lý do cần thiết phải sửa đổi quy định “chủ quản” thành “chủ trì”, như sau:

Tại các Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, quy định:

“1. Dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (được gọi là dự án thành phần) là tập hợp các mục tiêu, nhiệm vụ, hoạt động và giải pháp cụ thể nhằm thực hiện các mục tiêu của chương trình mục tiêu quốc gia.

*2. Chủ dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (được gọi là chủ dự án thành phần) là bộ, cơ quan trung ương được Thủ tướng Chính phủ giao **chủ trì quản lý** một hoặc một số dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định đầu tư chương trình.*

*3. Cơ quan **chủ quản chương trình** mục tiêu quốc gia (được gọi là cơ quan chủ quản chương trình) là các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.”*

Để áp dụng nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG theo Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG (Nghị định số 27/2022/NĐ-CP), ngày 29/9/2022, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND để phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Trong đó:

“1. Các cơ quan chủ trì các chương trình MTQG

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân (UBND) các huyện, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố (UBND cấp huyện) chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Ban Dân tộc là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các cơ quan chủ trì dự án thành phần các chương trình MTQG

Các cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án thành phần thuộc các chương trình MTQG là các cơ quan tương ứng với các Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện các dự án thành phần của các chương trình MTQG được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban Dân tộc, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội nông dân tỉnh, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Đắk Nông, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh.”

Thời điểm tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND thì các văn bản quy định của Trung ương đa số mới được ban hành, thời gian nghiên cứu để tham mưu Nghị quyết tương đối gấp, do đó khi đơn vị tham mưu soạn thảo áp dụng tên gọi “cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án” vào các Khoản thuộc Điều 6 của quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND là chưa chính xác. Do đó, để đảm bảo tính thống nhất với các nội dung được quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND thì việc phải sửa đổi quy định “**chủ quản**” thành “**chủ trì**” tại các Khoản của Điều 6 là cần thiết và phù hợp với các quy định hiện hành trong thực hiện Chương trình.

2.5. Đề nghị bỏ quy định tại khoản 6 Điều 1 của Dự thảo Nghị quyết vì nội dung này đã được quy định tại khoản 1 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết.

Đồng thời, bỏ Điều 2 của Dự thảo Nghị quyết, vì trong tên gọi và nội dung Dự thảo Nghị quyết đã thể hiện chỉ sửa đổi, bổ sung một số điều thì đương nhiên các nội dung khác sẽ thực hiện theo Nghị quyết số 05.

* **Ý kiến của UBND tỉnh:** Đối với nội dung “Đề nghị bỏ quy định tại khoản 6 Điều 1 của Dự thảo Nghị quyết vì nội dung này đã được quy định tại khoản 1 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết”, UBND tỉnh tiếp thu các ý kiến nêu trên và thực hiện chỉnh sửa vào dự thảo Nghị quyết, như sau:

“6. Bổ sung khoản 8 Điều 6, như sau:

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tùy tình hình thực tế của địa phương để quyết định tỷ lệ phân bổ vốn cho phù hợp đối với các dự án, tiểu dự án có quy định định mức tối đa, tối thiểu.”

Lý do đề xuất: Đối với khoản này vẫn cần được giữ lại trong Nghị quyết để áp dụng đối với các dự án, tiểu dự án có quy định định mức tối đa, tối thiểu.

* **Ý kiến của UBND tỉnh:** Đối với nội dung đề nghị “bỏ Điều 2 của Dự thảo Nghị quyết, vì trong tên gọi và nội dung Dự thảo Nghị quyết đã thể hiện chỉ sửa đổi, bổ sung một số điều thì đương nhiên các nội dung khác sẽ thực hiện theo Nghị quyết số 05”, UBND tỉnh tiếp thu các ý kiến nêu trên và thực hiện chỉnh sửa vào dự thảo Nghị quyết, như sau:

“Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thời gian thực hiện: Các quy định tại Nghị quyết này được áp dụng từ năm ngân sách 2024.

2. Các nội dung khác: Tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.”

Lý do đề xuất: Nghị quyết này được áp dụng đối với việc phân bổ vốn từ năm 2024, 2025 để thực hiện Chương trình. Nguồn vốn đã được giao năm 2022 và 2023 vừa qua vẫn tiếp tục được thực hiện theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND.

2.6. Ngoài 05 nội dung UBND tỉnh đề nghị sửa đổi, bổ sung như Tờ trình, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh có một số ý kiến sau:

a) Đối với Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4 quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Nghị quyết số 05: “*Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*” chỉ quy định phân bổ ngân sách Trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì tiểu dự án thực hiện nhiệm vụ: “*chi hỗ trợ giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*”.

Qua hoạt động giám sát, khảo sát cho thấy trong thời gian qua công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài chưa đạt mục tiêu, kế hoạch đề ra. Đặc biệt, theo báo cáo của UBND tỉnh tại Tờ trình số 5845/TTr-UBND ngày 03/10/2023, kết quả thực hiện dự án thuộc chương trình đến nay không khả quan. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chuyên môn đánh giá lại tổng thể việc thực hiện chủ trương, chính sách về việc đưa người lao động đi làm việc ở

nước ngoài trên địa bàn tỉnh trong những năm qua. Từ đó tính toán, điều chỉnh lại nhiệm vụ và tỷ lệ phân bổ vốn giữa các cấp cho phù hợp, trong đó ưu tiên điều chỉnh tỷ lệ phân bổ vốn cho nội dung và nhiệm vụ nêu trên thuộc chương trình cho các địa phương thực hiện để phát huy vai trò của cán bộ cơ sở (nhất là cán bộ cấp thôn, bon, các hội, đoàn thể...) trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ, giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động thời gian tới.

*** Ý kiến của UBND tỉnh:** Đối với nội dung này, UBND tỉnh báo cáo, giải trình cụ thể như sau:

Theo các quy định, đối với nguồn vốn thực hiện Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài, tổng vốn đã bố trí trong 2 năm 2022 và 2023 là: 2.203 triệu đồng, trong đó, phân về cấp tỉnh (Sở Lao động - TB&XH) 881 triệu đồng; các huyện nghèo (Tuy Đức và Đăk Glong): 1.322 triệu đồng.

Việc phân vốn thực hiện Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, cơ bản đang đáp ứng tình hình thực tiễn thực hiện chính sách đưa người đi làm việc ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh trong những năm qua và phù hợp với và phù hợp với quy định về đối tượng, phạm vi và nội dung hỗ trợ tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Theo đó hiện nay, cấp tỉnh (Sở Lao động - TB&XH) đang thực hiện hỗ trợ cho đối tượng:

+ *Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;*

+ *Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.*

Cấp huyện (hai huyện nghèo Đăk Glong và Tuy Đức) đang thực hiện được các nội dung hỗ trợ:

+ *Người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động.*

Như vậy, có thể thấy đối tượng, phạm vi thụ hưởng của Tiểu dự án (thuộc hai huyện nghèo Tuy Đức và Đăk Glong); kinh phí thực hiện Tiểu dự án được giao rất ít (cả giai đoạn 2021-2025 là 5.564 triệu đồng, trong đó 2 năm 2022 và 2023 đã giao 2.203 triệu đồng). Vì vậy, việc điều chỉnh lại tỷ lệ phân bổ vốn giữa các cấp để thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn tỉnh là không cần thiết.

b) Theo nội dung tại Tờ trình số 5845/TTr-UBND ngày 03/10/2023, việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 05 nhằm kịp thời giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh các năm 2024, 2025, đặc biệt là giao dự toán thực hiện năm 2024 (dự kiến tháng 12/2023). Do đó, đề nghị bổ sung dự thảo về điều khoản quy định thời điểm có hiệu lực để thực hiện các nội dung Nghị quyết được áp dụng từ năm ngân sách 2024 đảm bảo đầy đủ, chặt chẽ.

*** Ý kiến của UBND tỉnh:** Đối với nội dung này, UBND tỉnh đã chỉnh sửa tại “Điều 2. Điều khoản thi hành” đã nêu trên.

c) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiếp tục đánh giá, rà soát chặt chẽ, đầy đủ các nội dung không còn phù hợp, các nội dung còn khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện để tham mưu, đề xuất trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một lần, hạn chế trường hợp phải sửa đổi, bổ sung nghị quyết nhiều lần gây khó khăn cho quá trình triển khai nghị quyết sau khi được ban hành.

*** Ý kiến của UBND tỉnh:** Thống nhất, tiếp thu toàn bộ các ý kiến nêu trên và sẽ chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xem xét, rà soát, báo cáo, đề xuất và tiếp tục trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình kết luận của Thường trực HĐND tỉnh và ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết; Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông (gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết).!

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Sở: LĐTĐ, TP, TC;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KGVX (Q).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tôn Thị Ngọc Hạnh

Số: /2023/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng 10 năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo

**Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Thông tin và truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 6, như sau:

“2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ tối đa 10% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án để triển khai thực hiện Dự án.

Phân bổ tối thiểu 90% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để triển khai thực hiện Dự án”.

2. Sửa đổi khoản 3 Điều 6, như sau:

“a) Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

+ Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ tối đa 10% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Tiêu Dự án để triển khai thực hiện Tiêu dự án 1, Dự án 3.

Phân bổ tối thiểu 90% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố triển khai thực hiện Tiêu dự án 1, Dự án 3.

+ Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thành phố:

| STT | Tiêu chí | Hệ số |
|----------|---|-------|
| 1 | Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố | |
| | Dưới 5% | 0,4 |
| | Từ 5% đến dưới 15% | 0,5 |
| | Từ 15% đến dưới 30% | 0,6 |
| | Từ 30% trở lên | 0,7 |
| 2 | Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố | |
| | Dưới 3.000 hộ | 0,4 |
| | Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ | 0,6 |
| | Từ 5.000 hộ trở lên | 0,8 |
| 3 | Địa bàn khó khăn | |
| | Huyện nghèo | 0,12 |
| 4 | Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố | |
| | Dưới 10 xã | 1 |
| | Từ 10 đến 15 xã | 1,3 |
| | Từ 16 xã trở lên | 1,5 |

+ Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Đ_i = Q.X_i$$

Trong đó:

Đ_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{T}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 1, thuộc Dự án 3.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện, thành phố.

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

+ Tỷ lệ phân bổ: Phân bổ 100% ngân sách Trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Tiểu Dự án để phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 3.

+ Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

| STT | Tiêu chí | Hệ số |
|-----|--|-------|
| 1 | Địa bàn khó khăn | |
| | Huyện nghèo | 0,12 |
| 2 | Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố | |
| | Dưới 10 xã | 1 |
| | Từ 10 đến 15 xã | 1,3 |
| | Từ 16 xã trở lên | 1,5 |
| 3 | Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố | |
| | Trên 30% | 1,6 |
| | Từ 25% đến 30% | 1,4 |
| | Từ 20% đến dưới 25% | 1,2 |
| | Dưới 20% | 1 |

+ Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$E_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{T}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 2, thuộc Dự án 3.

T là tổng hệ số các tiêu chí của các huyện, thành phố”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Điều 6, như sau:

“b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo

Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ 40% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Tiểu dự án để thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 6.

Phân bổ 60% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 6”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 7 Điều 6, như sau:

“7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình

a) Tỷ lệ phân bổ vốn: Phân bổ 20% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Chương trình để tổ chức triển khai thực hiện Dự án nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình.

Phân bổ 20% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần thuộc chương trình để tổ chức giám sát, đánh giá các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công.

Phân bổ 60% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố triển khai thực hiện Dự án”.

5. Thay thế cụm từ “chủ quản” bằng cụm từ “chủ trì” tại các khoản 2, 3, 4, 6, 7 Điều 6.

6. Bổ sung khoản 8 Điều 6, như sau:

“Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tùy tình hình thực tế của địa phương để quyết định tỷ lệ phân bổ vốn cho phù hợp đối với các dự án, tiểu dự án có quy định mức tối đa, tối thiểu”.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thời gian thực hiện: Các quy định tại Nghị quyết này được áp dụng từ năm ngân sách 2024.

2. Các nội dung khác: Tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa IV, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 8 thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 và có hiệu từ ngày ... tháng 10 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh khóa IV;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TP;
- UBND các xã trên địa bàn tỉnh;
- Công báo tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh; Báo Đắk Nông;
- Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, CT HĐND, HC-TC-QT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Lưu Văn Trung

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết và đánh giá thực trạng các vấn đề có liên quan đến việc đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

I. BỐI CẢNH

Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh được ban hành ngày 17/6/2022 đã kịp thời làm cơ sở để UBND tỉnh giao dự toán cho các đơn vị, địa phương trong tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, đáp ứng yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ về thời gian giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước (trước 01/7/2022).

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND là căn cứ pháp lý quan trọng, chủ yếu để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025; góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình bảo đảm đúng phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn; là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp dưới. Đồng thời, làm căn cứ để giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình.

Phân bổ ngân sách được quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND về cơ bản đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách (kết quả bố trí vốn đối ứng của địa phương theo Phụ lục chi tiết đính kèm); thực hiện được các chủ trương của Đảng, chế độ, chính sách nhà nước đã ban hành, đáp ứng cơ bản nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của mỗi cấp chính quyền địa phương; đồng thời tạo điều kiện cho các địa phương chủ động xây dựng và bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố.

Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện một số dự án, tiểu dự án đã phát sinh khó khăn, vướng mắc như: Cơ quan được giao vốn không nhận được hồ sơ đăng ký tham gia dự án; năng lực, nhân lực của đơn vị được giao vốn không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; không phát sinh nội dung chi từ dự án đã được cấp kinh phí; các cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án, tiểu dự án, thành phần dự án không có kinh phí để thực hiện kiểm tra, giám sát; hoạt động truyền thông cấp tỉnh khó thực hiện chi hết dự toán được giao trong khi đó hoạt động truyền thông cơ sở không có kinh phí thực hiện... Dẫn đến, tỷ lệ giải ngân nguồn vốn của một số dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình trong thời gian qua thấp làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả thực hiện của toàn Chương trình.

Do đó, để phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương khi triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và có cơ sở giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông các năm 2024 và 2025. Đặc biệt, là việc giao dự toán thực hiện năm 2024 (dự kiến vào tháng 12/2023), UBND tỉnh Đắk Nông báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và giải trình một số khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tế cần thiết, cấp thiết phải sửa đổi, bổ sung Quy định ban hành kèm theo của Nghị quyết.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh để phù hợp các quy định mới được ban hành và đặc biệt phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương khi triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tận dụng tối đa và sử dụng hiệu quả nhất nguồn vốn được Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

Với bối cảnh nêu trên, UBND tỉnh báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, trình HĐND tỉnh các nội dung, cụ thể như sau:

II. TÌNH HÌNH PHÂN BỐ, GIẢI NGÂN TỔNG VỐN CHƯƠNG TRÌNH 02 NĂM 2022 VÀ 2023

1. Kết quả phân bổ nguồn vốn

Tổng vốn bố trí trong 2 năm 2022 và 2023 là: 547.054 triệu đồng, trong đó:

* **Năm 2022** là 216.796 triệu đồng (Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022).

* **Năm 2023** là: 330.258 triệu đồng (Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023).

2. Kết quả giải ngân vốn đã được giao

Qua hơn 02 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, kết quả giải ngân toàn Chương trình tuy chưa cao do giai đoạn đầu hệ thống cơ sở pháp lý chưa hoàn thiện, văn bản hướng dẫn chậm ban hành nên việc triển khai gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên đây cũng là kết quả khả quan, đáng khích lệ. Đa số các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình hiện nay đang được các cấp, ngành tăng cường chỉ đạo, khẩn trương triển khai thực hiện giải ngân vốn đã được bố trí 02 năm 2022 và 2023; Dự kiến đến cuối năm 2023 giải ngân đạt 100% vốn bố trí năm 2022 và đạt 70% vốn bố trí năm 2023.

Đến hết ngày 25/9/2023, kết quả giải ngân vốn thực hiện Chương trình trên toàn tỉnh là 149.179 triệu đồng, đạt tỷ lệ 27,27%; trong đó, giải ngân vốn năm 2022 là 138.761 triệu đồng, đạt tỷ lệ 64,01%; vốn năm 2023 là 10.418 triệu đồng, đạt tỷ lệ 3,15%

(Phụ lục chi tiết bố trí vốn, đối ứng của địa phương và kết quả giải ngân đính kèm).

III. THỰC TRẠNG CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CÀN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TỶ LỆ PHÂN BỐ VỐN CỦA CÁC DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN THÀNH PHẦN

1. Đối với quy định tỷ lệ phân bổ nguồn vốn Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Tình hình phân bổ vốn, kết quả triển khai thực hiện

Theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, tổng nguồn vốn 2 năm 2022-2023 đã giao để các cơ quan, đơn vị thực hiện Dự án là 50.383 triệu đồng (vốn năm 2022 là 14.317 triệu đồng; vốn năm 2023 là 36.066 triệu đồng). Trong đó, cấp tỉnh: (Sở Lao động – TB&XH) 10.076 triệu đồng; các huyện, thành phố: 40.307 triệu đồng.

Tháng 4/2023, sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, ... lựa chọn dự án, các đơn vị, địa phương được giao vốn đã tiến hành triển khai thực hiện Dự án. Đến nay, toàn tỉnh đã giải

ngân tổng số tiền 758 triệu đồng (từ nguồn vốn năm 2022), tỷ lệ đạt 1,50%/vốn bố trí 2 năm và đây cũng là kết quả giải ngân vốn tại các huyện; đối với cấp tỉnh (Sở Lao động - TB&XH) chưa giải ngân, tỷ lệ đạt 0%.

Hiện nay, UBND các huyện đang tiếp tục triển khai thực hiện, dự kiến đến cuối năm 2023 tại các huyện giải ngân 100%; Đối với vốn giao về Sở Lao động - TB&XH, khó giải ngân, dự kiến từ nay đến cuối năm 2023 giải ngân đạt khoảng 50% (bao gồm vốn năm 2023 và vốn năm 2022 chuyển qua).

b) Các lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung tỷ lệ phân bổ vốn của Dự án

Theo các quy định về thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án cấp tỉnh (Sở Lao động - TB&XH) chỉ thực hiện được dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phạm vi liên huyện, các phương thức hỗ trợ còn lại: cộng đồng, nhiệm vụ, đặc thù và chuỗi giá trị trong phạm vi một huyện không thực hiện được. Trong khi đó, tỷ lệ vốn bố trí 02 năm vừa qua cho cơ quan chủ trì dự án cấp tỉnh (Sở Lao động - TB&XH) tương đối lớn (chiếm 20% tổng vốn bố trí toàn dự án, tương đương 10.076 triệu đồng).

Trên địa bàn tỉnh đa số các chuỗi giá trị liên kết đều được thực hiện trong phạm vi một huyện, có quy mô nhỏ lẻ, số lượng chuỗi liên kết phạm vi liên huyện hiện nay rất ít. Trong khi đó điều kiện quy định, để dự án được phê duyệt yêu cầu mỗi chuỗi liên kết phải có 50% thành viên tham gia chuỗi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (theo các báo cáo đánh giá: năng lực sản xuất của người nghèo còn nhiều hạn chế, kỹ năng áp dụng khoa học kỹ thuật yếu, ... rất dễ làm đứt gãy các chuỗi liên kết); Đồng thời, nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước và mục tiêu của Chương trình là đầu tư, hỗ trợ cho đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo. Đối với các hộ không là hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, hợp tác xã, doanh nghiệp,... khi tham gia vào dự án chỉ được hỗ trợ các nội dung như đào tạo kiến thức lý thuyết, kỹ thuật sản xuất. Dự án được ký kết hợp đồng trách nhiệm giữa đơn vị nhà nước được giao vốn và đơn vị chủ trì liên kết. Trách nhiệm pháp lý và quản lý chuỗi của đơn vị chủ trì liên kết rất cao nhưng mức thụ hưởng nguồn lực từ dự án rất ít, từ đó rất khó để thu hút các hợp tác xã, doanh nghiệp ký kết hợp đồng tham gia dự án. Cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án (Sở Lao động - TB&XH) phụ thuộc vào yếu tố có hoặc không có hồ sơ đăng ký tham gia dự án của đơn vị chủ trì liên kết.

Với tỷ lệ phân bổ vốn được quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, nếu năm 2024 và năm 2025 tiếp tục phân bổ 20% vốn thực hiện Dự án về cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án (Sở Lao động - TB&XH) sẽ rất khó khăn trong việc giải ngân do phụ thuộc vào yếu tố có hoặc không có hồ sơ đăng ký tham gia dự án của đơn vị chủ trì liên kết; khó tận dụng tối đa nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ để giúp nhiều đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh được tiếp cận nhanh và hiệu quả nguồn vốn thực hiện

Dự án; đồng thời UBND tỉnh không chủ động, linh hoạt được trong việc giao dự toán ngân sách nhà nước nhằm phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương. Do đó, việc điều chỉnh tỷ lệ phân bổ vốn của Dự án 2 đã được quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND (20% cho cơ quan cấp tỉnh), thành định mức tối đa 10% về cấp tỉnh, tối thiểu 90% về cấp huyện để thực hiện Dự án là cần thiết và cấp thiết và phù hợp với các quy định hiện hành.

2. Đối với quy định tỷ lệ phân bổ nguồn vốn thực hiện Tiểu dự án 1 (thuộc dự án 3) Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Tình hình phân bổ vốn, kết quả triển khai thực hiện

Theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, tổng nguồn vốn phân bổ cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện Tiểu dự án trong 2 năm 2022 và năm 2023 là 22.102 triệu đồng. Trong đó: cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn): 4.420 triệu đồng; các huyện, thành phố: 17.682 triệu đồng.

Trên cơ sở các văn bản quy định hiện hành, hiện nay UBND các huyện đang hoàn thiện hồ sơ và tổ chức thực hiện Dự án theo quy định, không gặp vướng mắc, dự kiến đến cuối năm 2023 giải ngân 100% vốn được giao.

Riêng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ mới tổ chức thực hiện được nội dung tập huấn quản lý chuỗi phát liên kết sản xuất, tỷ lệ giải ngân đạt rất thấp (165.690 triệu đồng/4.420.000 triệu đồng).

b) Các lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung tỷ lệ phân bổ vốn của Tiểu dự án

Theo các quy định, cơ quan cấp tỉnh chủ trì tiểu dự án (Sở Nông nghiệp và PTNT) chỉ được thực hiện 2 phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất, gồm: dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phạm vi liên huyện và hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.

Tuy nhiên, đối với phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phạm vi liên huyện (gặp khó khăn, vướng mắc tương tự như Dự án 2 đã giải trình nêu trên) và phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ khó thực hiện, với lý do quy định tại khoản 14, Điều 1, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

“Đối với thực hiện các dự án, mô hình thuộc quản lý của địa phương, chỉ áp dụng cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ trong trường hợp đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ theo quy định tại Điều 21 (chuỗi giá trị), Điều 22 (cộng đồng) nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc thực hiện các dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho

các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới.”

Theo báo cáo, đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT nếu các năm 2024, 2025 tiếp tục phân 20% vốn thực hiện Tiểu dự án về đơn vị thì sẽ rất khó khăn trong việc giải ngân, do đó việc điều chỉnh tỷ lệ phân bổ vốn của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, thành định mức tối đa 10% về cấp tỉnh, tối thiểu 90% về cấp huyện để thực hiện Dự án là cần thiết, cấp thiết và phù hợp với các quy định hiện hành.

3. Đối với quy định tỷ lệ phân bổ nguồn vốn thực hiện Tiểu dự án 2 (thuộc dự án 3) cải thiện dinh dưỡng

a) Tình hình phân bổ vốn, kết quả triển khai thực hiện

Trên cơ sở quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, UBND tỉnh đã thực hiện phân bổ 80% ngân sách, tương ứng 4.573 triệu đồng/5.716 triệu đồng cho UBND các huyện triển khai thực hiện Tiểu dự án 2 Cải thiện dinh dưỡng năm 2023 (đối với dự án này năm 2022 Trung ương không giao vốn). Trong đó, giao về Sở Y tế (đơn vị cấp tỉnh chủ trì Tiểu dự án) 1.143 triệu đồng, còn lại phân về UBND các huyện 4.573 triệu đồng.

Đến thời điểm báo cáo, Sở Y tế đã giải ngân được 114 triệu đồng đạt tỷ lệ 9,97% vốn được giao; tuy tiến độ giải ngân chậm do thời gian vừa qua địa phương phải chờ Bộ ngành Trung ương ban hành hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án. Tới thời điểm hiện nay, Kế hoạch triển khai nguồn vốn của Sở Y tế không còn vướng mắc, do đó phấn đấu đến cuối năm 2023 Sở Y tế giải ngân 100% vốn được giao thực hiện tiểu dự án.

Đối với các huyện, hiện nay đang xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, chưa giải ngân.

b) Các lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung tỷ lệ phân bổ vốn của Tiểu dự án

Theo báo cáo của các huyện, vốn giao Tiểu dự án sẽ được UBND huyện phân bổ về Phòng Y tế để triển khai thực hiện, tuy nhiên hiện nay một số huyện như (Đắk Mil, Tuy Đức, Đắk Glong) Phòng y tế cấp huyện không đủ năng lực và nhân lực để tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn, đặc biệt hiện nay, một số huyện đã sáp nhập Phòng Y tế vào Văn phòng UBND huyện nên quá trình triển khai thực hiện còn gặp nhiều khó khăn;

Bên cạnh đó, Trung tâm Y tế cấp huyện đủ năng lực để thực hiện các nội dung của Tiểu dự án, thì Trung tâm y tế cấp huyện lại là đơn vị trực thuộc Sở Y tế, là đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Y tế (đơn vị dự toán cấp 1), kinh phí hoạt động của Trung tâm Y tế huyện không thuộc phạm vi điều hành của ngân sách huyện. Do đó, theo Luật ngân sách UBND huyện không thể giao vốn về Trung tâm y tế cấp huyện để triển khai dự án.

Do đó, việc phân 100% nguồn vốn về Sở Y tế (cơ quan cấp tỉnh chủ trì tiêu dự án) là để thuận tiện trong quá trình thanh quyết toán, đảm bảo nguồn nhân lực, phù hợp điều kiện chuyên môn của Trung tâm Y tế các huyện. Đồng thời, tăng cường được sự hỗ trợ chuyên môn từ các đơn vị tuyến tỉnh trực thuộc Sở Y tế (*Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh, Chi cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình tỉnh*). Trên thực tế, quá trình triển khai các hoạt động cụ thể thực hiện Tiêu dự án như hỗ trợ cho bà mẹ, trẻ em tại các trường học, hộ gia đình thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các xã ... Sở Y tế vẫn phải phối hợp với UBND các huyện để triển khai như hiện nay. Kinh phí thực hiện tiêu dự án sẽ được Sở Y tế thống nhất với UBND các huyện trước khi giao cho Trung tâm y tế các huyện nhằm đảm bảo phạm vi, đối tượng thụ hưởng Chương trình và phù hợp thực tiễn tại tỉnh.

4. Đối với tỷ lệ phân bổ vốn thực hiện Tiêu dự án 2 (thuộc dự án 6) Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

Trên cơ sở quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, năm 2022 và năm 2023 đã giao 2.682 triệu đồng (vốn sự nghiệp) cho Sở Lao động - TB&XH (cơ quan cấp tỉnh chủ trì tiêu dự án). Theo báo cáo, Sở Lao động - TB&XH đã triển khai thực hiện và giải ngân 486/486 triệu đồng đạt tỷ lệ 100% nguồn vốn được giao năm 2022. Năm 2023, chỉ mới giải ngân được 600/2.196 triệu đồng, đạt tỷ lệ 40,49%.

*** Các lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung tỷ lệ phân bổ vốn Tiêu dự án**

Theo tỷ lệ phân bổ vốn của dự án quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, ngày 17 tháng 6 năm 2022 thì 100% nguồn vốn của tiêu dự án giao về cơ quan cấp tỉnh - Sở Lao động - TB&XH, trong khi đó tại các huyện, thành phố hai năm vừa qua không được phân bổ nguồn lực này để thực hiện truyền thông tại cộng đồng.

Ngày 30/6/2022, (sau khi Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND được ban hành) Bộ Thông tin và truyền thông mới ban hành Thông tư số 06/TT/2022-BTTTT Hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 quy định “*Điều 14. Nhiệm vụ công tác thông tin, truyền thông về công tác giảm nghèo đa chiều và Điều 15 Các hình thức thông tin, tuyên truyền về giảm nghèo đa chiều*”. Theo đó, các nhiệm vụ và hình thức thông tin, tuyên truyền về giảm nghèo đa chiều thực hiện được ở cả cơ quan cấp tỉnh và cấp cơ sở (huyện, xã). Với các hình thức nêu trên việc ưu tiên nguồn lực để cấp tỉnh thực hiện các nội dung thông tin, tuyên truyền trên báo chí, xuất bản phẩm; tổ chức các hoạt động, phong trào thi đua “Vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau” quy mô cấp tỉnh; thực hiện các Chương trình truyền hình, phát hành sổ tay, tờ rơi; duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử về giảm nghèo; Cấp huyện có thể thực hiện được các hoạt động thực tế tại cộng đồng, như: tổ chức đối thoại nói

chuyên chuyên đề; sân khấu hóa các hoạt động truyền thông về giảm nghèo thu hút chính người dân tham gia sẽ sát với tình hình thực tiễn tại tỉnh ta (tỷ lệ hộ nghèo cao (tỷ lệ 7,97%), trong đó hộ nghèo là người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao (20,11%) số liệu rà soát cuối năm 2022. Địa hình tại tỉnh ta đa phần đồi núi, nhiều thôn/buôn/bon cách xa trung tâm các xã, thị trấn,...

Do đó, với tỷ lệ phân bổ vốn quy định thực hiện Tiểu dự án 2 Truyền thông về giảm nghèo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022, mới chỉ phân bổ vốn cho cơ quan chủ trì tiểu dự án cấp tỉnh (Sở Lao động - TB&XH); cấp cơ sở (huyện/xã) không có kinh phí để thực hiện nhiệm vụ này. Đồng thời, để thực hiện hiệu quả nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia quy định tại khoản 3, Điều 4, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 ngày 4 năm 2022 của Chính phủ: “3. *Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các chương trình mục tiêu quốc gia*”, việc phân bổ vốn về cấp cơ sở đối với tiểu dự án này sẽ hạn chế tình trạng cơ quan cấp tỉnh dư vốn, cấp cơ sở thiếu vốn, nhằm tận dụng tối đa nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 trên địa bàn tỉnh. Do đó, đề xuất điều chỉnh thành: phân bổ 40% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh và phân bổ 60% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 6, nhằm phù hợp với tình hình thực tiễn tại tỉnh và đảm bảo các quy định hiện hành.

5. Đối với tỷ lệ phân bổ vốn thực hiện Dự án 7 Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

Theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, tổng nguồn vốn được phân bổ 2 năm là 13.385 triệu đồng giao về cho Sở Lao động - TB&XH (cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án 7) là 4.953 triệu đồng; UBND các huyện, thành phố là 7.432 triệu đồng để thực hiện các nội dung tập huấn nâng cao năng lực, triển khai chương trình học tập kinh nghiệm, kiểm tra giám sát, đánh giá ...;

*** Các lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung tỷ lệ phân bổ vốn của Dự án**

Theo tỷ lệ phân bổ nêu trên, hiện nay các Sở, ngành chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tiểu dự án 1, thuộc dự án 3; Sở Y tế chủ trì tiểu dự án 2 thuộc dự án 3; Sở Xây dựng chủ trì dự án 5; Sở Thông tin và truyền thông chủ trì tiểu dự án 1 thuộc dự án 6) không có kinh phí để triển khai thực hiện kiểm tra, giám sát, nâng cao năng lực thực hiện chương trình.

Do đó, việc điều chuyển 20% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần thuộc chương trình để tổ chức giám sát,

đánh giá các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công là rất cần thiết và đảm bảo quy định hiện hành.

6. Đối với việc đề xuất sửa đổi tên gọi “cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án” thành “cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án”

Tại các Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, quy định:

1. *Dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (được gọi là dự án thành phần) là tập hợp các mục tiêu, nhiệm vụ, hoạt động và giải pháp cụ thể nhằm thực hiện các mục tiêu của chương trình mục tiêu quốc gia.*

2. *Chủ dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (được gọi là chủ dự án thành phần) là bộ, cơ quan trung ương được Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì quản lý một hoặc một số dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định đầu tư chương trình.*

3. *Cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia (được gọi là cơ quan chủ quản chương trình) là các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.*

Để áp dụng nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG theo Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG (Nghị định số 27/2022/NĐ-CP), ngày 29/9/2022, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND để phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Trong đó:

“1. Các cơ quan chủ trì các chương trình MTQG

a) *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân (UBND) các huyện, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.*

b) *Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố (UBND cấp huyện) chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.*

c) *Ban Dân tộc là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030,*

giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các cơ quan chủ trì dự án thành phần các chương trình MTQG

Các cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án thành phần thuộc các chương trình MTQG là các cơ quan tương ứng với các Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện các dự án thành phần của các chương trình MTQG được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban Dân tộc, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội nông dân tỉnh, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Đắk Nông, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh”.

Thời điểm tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 thì các văn bản quy định của Trung ương đã sửa đổi mới được ban hành, thời gian nghiên cứu để tham mưu Nghị quyết tương đối gấp. Do đó, khi đơn vị tham mưu soạn thảo áp dụng tên gọi “cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án” vào các Khoản thuộc Điều 6 của quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND là chưa chính xác. Do đó, để đảm bảo tính thống nhất với các nội dung được quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND thì việc phải sửa đổi quy định “**chủ quản**” thành “**chủ trì**” tại các Khoản của Điều 6 là cần thiết và phù hợp với các quy định hiện hành trong thực hiện Chương trình.

UBND tỉnh báo cáo các nội dung như trên để HĐND tỉnh có cơ sở xem xét Tờ trình và thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông./

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban VHXH, Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Q).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tôn Thị Ngọc Hạnh



Phụ lục
KẾT QUẢ BỐ TRÍ VÀ ĐÃ GIẢI NGÂN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIÀM NGHÈO NĂM 2022, NĂM 2023 ĐẾN NGÀY 25/9/2023
(Kèm theo Báo cáo số: 692/BC-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Đắk Nông)

| Stt | Chương trình/Dự án, tiêu dự án | KẾT QUẢ GIẢI VỐN/BỐ TRÍ ĐỐI ƯNG 2 NĂM 2022-2023 | | | | | | | | | | | | | | KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN 2 NĂM 2022, 2023 | | | | | | | | | | | Tỷ lệ giải ngân tổng vốn 2 năm (%) | Tỷ lệ giải ngân vốn năm 2022 (%) | Tỷ lệ giải ngân vốn năm 2023 (%) | Ghi chú | | | | | | | | | |
|-----|--|---|--------------------|------------------|-----------------------|---------------|------------------|-----------------------|---|------------------|--------------------|------------------|-----------------------|---------------|------------------|--|---------------|---------------------------------------|-----------|-----------------------|--------------------------------|------------------|-----------------------|---------------|------------------|-----------------------|------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|---------|--------------------------------|---------------|------------------|-----------------------|---------------|------|---|---|--|
| | | NĂM 2022 (đã giải tại QĐ số 4078/QĐ-UBND) | | | | | | | NĂM 2023 (đã giải tại QĐ số 2115/QĐ-UBND) | | | | | | | Kết quả giải ngân vốn 2 năm 2022-2023 | | | | | Kết quả giải ngân vốn năm 2022 | | | | | | | | | | Kết quả giải ngân vốn năm 2023 | | | | | | | | |
| | | Tổng vốn giao 02 năm 2022-2023 | Tổng cộng năm 2022 | Trung ương | | | Địa phương | | | | Tổng cộng năm 2023 | Tổng cộng vốn TW | Vốn đầu tư phát triển | Vốn sự nghiệp | Tổng cộng vốn ĐP | Vốn đầu tư phát triển | Vốn sự nghiệp | Kết quả giải ngân vốn 2 năm 2022-2023 | Tổng cộng | Trung ương | | | | Địa phương | | | | | | | Tổng cộng | Trung ương | | | Địa phương | | | | |
| | | | | Tổng cộng vốn TW | Vốn đầu tư phát triển | Vốn sự nghiệp | Tổng cộng vốn TW | Vốn đầu tư phát triển | Vốn sự nghiệp | Tổng cộng vốn TW | | | | | | | | | | Vốn đầu tư phát triển | Vốn sự nghiệp | Tổng cộng vốn TW | Vốn đầu tư phát triển | Vốn sự nghiệp | Tổng cộng vốn TW | Vốn đầu tư phát triển | | | | | | Vốn sự nghiệp | Tổng cộng vốn TW | Vốn đầu tư phát triển | Vốn sự nghiệp | | | | |
| | TỔNG CỘNG (I + II+ III+IV+V+VI) | 547.054 | 216.796 | 197.088 | 151.311 | 45.777 | 19.708 | 15.131 | 4.577 | 330.258 | 300.235 | 162.989 | 137.246 | 30.023 | 16.300 | 13.723 | 149.179 | 138.761 | 133.876 | 124.633 | 9.263 | 4.885 | 1.416 | 3.469 | 10.418 | 9.184 | 7.339 | 1.845 | 1.234 | 715 | 519 | 27.27 | 64.01 | 3.15 | | | | | |
| I | Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo | 319.988 | 146.486 | 133.169 | 129.400 | 3.769 | 13.317 | 12.940 | 377 | 173.502 | 157.729 | 143.389 | 14.340 | 15.773 | 14.339 | 1.434 | 126.368 | 119.422 | 118.095 | 116.441 | 1.654 | 1.327 | 1.231 | 96 | 6.946 | 6.560 | 6.560 | 0 | 386 | 149 | 237 | 39.49 | 81.52 | 4.00 | | | | | |
| 1 | Hoạt động 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo | 246.025 | 146.486 | 133.169 | 129.400 | 3.769 | 13.317 | 12.940 | 377 | 99.539 | 90.940 | 82.263 | 8.227 | 9.049 | 8.226 | 823 | 126.368 | 119.422 | 118.095 | 116.441 | 1.654 | 1.327 | 1.231 | 96 | 6.946 | 6.560 | 6.560 | 0 | 386 | 149 | 237 | 51.36 | 81.52 | 6.98 | | | | | |
| * | Phân cấp cho cấp huyện | 246.025 | 146.486 | 133.169 | 129.400 | 3.769 | 13.317 | 12.940 | 377 | 99.539 | 90.940 | 82.263 | 8.227 | 9.049 | 8.226 | 823 | 126.368 | 119.422 | 118.095 | 116.441 | 1.654 | 1.327 | 1.231 | 96 | 6.946 | 6.560 | 6.560 | 0 | 386 | 149 | 237 | 51.36 | 81.52 | 6.98 | Không đủ ngân | | | | |
| 1 | UBND huyện Tuy Đức | 122.279 | 72.811 | 66.192 | 64.308 | 1.884 | 6.619 | 6.431 | 188 | 49.468 | 44.971 | 40.882 | 4.089 | 4.497 | 4.088 | 409 | 69.960 | 63.014 | 61.687 | 60.033 | 1.654 | 1.327 | 1.231 | 96 | 6.946 | 6.560 | 6.560 | 0 | 386 | 149 | 237 | 57.21 | 86.54 | 14.04 | | | | | |
| 2 | UBND huyện Đắk Glong | 123.746 | 73.675 | 66.977 | 65.092 | 1.885 | 6.698 | 6.509 | 189 | 50.071 | 45.519 | 41.381 | 4.138 | 4.552 | 4.138 | 414 | 56.408 | 56.408 | 56.408 | 56.408 | - | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 45.58 | 76.56 | 0.00 | | | | | |
| 2 | Tiểu dự án 2: Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn | 73.963 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 73.963 | 67.239 | 61.126 | 6.113 | 6.724 | 6.113 | 611 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | |
| | UBND huyện Đắk Glong | 73.963 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 73.963 | 67.239 | 61.126 | 6.113 | 6.724 | 6.113 | 611 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | |
| II | Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo | 50.383 | 14.317 | 13.016 | - | 13.016 | 1.301 | - | 1.301 | 36.066 | 32.787 | 0 | 32.787 | 3.279 | 0 | 3.279 | 758 | 758 | 746 | - | 746 | 12 | - | 12 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.50 | 5.29 | 0.00 | Đề nghị sau đây, bổ sung vì vốn giao cấp tỉnh (Số LĐTĐXH) chỉ được thực hiện chuỗi liên huyện, các phương thức khác không được thực hiện, khi giải ngân | | |
| * | Các Sở, ban, ngành | 10.076 | 2.863 | 2.603 | - | 2.603 | 260 | - | 260 | 7.213 | 6.557 | 0 | 6.557 | 656 | 0 | 656 | 0 | 0 | 0 | - | - | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | |
| 1 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | 10.076 | 2.863 | 2.603 | - | 2.603 | 260 | - | 260 | 7.213 | 6.557 | 0 | 6.557 | 656 | 0 | 656 | 0 | 0 | 0 | - | - | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | |
| * | Phân cấp cho cấp huyện | 40.307 | 11.454 | 10.413 | - | 10.413 | 1.041 | - | 1.041 | 28.853 | 26.230 | 0 | 26.230 | 2.623 | 0 | 2.623 | 758 | 758 | 746 | - | 746 | 12 | - | 12 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | |
| 1 | UBND huyện Krông Nô | 5.616 | 1.595 | 1.450 | - | 1.450 | 145 | - | 145 | 4.021 | 3.655 | 0 | 3.655 | 366 | 0 | 366 | 117 | 117 | 110 | - | 110 | 7 | - | 7 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | |
| 2 | UBND huyện Cư Jút | 4.718 | 1.341 | 1.219 | - | 1.219 | 122 | - | 122 | 3.377 | 3.070 | 0 | 3.070 | 307 | 0 | 307 | 0 | 0 | 0 | - | - | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | |
| 3 | UBND huyện Đắk Mít | 4.944 | 1.405 | 1.277 | - | 1.277 | 128 | - | 128 | 3.539 | 3.217 | 0 | 3.217 | 322 | 0 | 322 | 0 | 0 | 0 | - | - | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | |
| 4 | UBND huyện Đắk Song | 4.267 | 1.213 | 1.103 | - | 1.103 | 110 | - | 110 | 3.054 | 2.777 | 0 | 2.777 | 277 | 0 | 277 | 0 | 0 | 0 | - | - | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | |
| 5 | UBND huyện Đắk R'lấp | 4.943 | 1.404 | 1.277 | - | 1.277 | 127 | - | 127 | 3.539 | 3.217 | 0 | 3.217 | 322 | 0 | 322 | 0 | 0 | 0 | - | - | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 50 | UBND huyện Tuy Đức | 5.887 | 1.673 | 1.521 | - | 1.521 | 152 | - | 152 | 4.214 | 3.831 | 0 | 3.831 | 383 | 50 | 383 | 50 | 50 | 45 | - | 45 | 5 | - | 5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | |
| 7 | UBND huyện Đắk Glong | 5.887 | 1.673 | 1.521 | - | 1.521 | 152 | - | 152 | 4.214 | 3.831 | 0 | 3.831 | 383 | 591 | 383 | 591 | 591 | 591 | - | 591 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 8 | UBND thành phố Gia Nghĩa | 4.045 | 1.150 | 1.045 | - | 1.045 | 105 | - | 105 | 2.895 | 2.632 | 0 | 2.632 | 263 | 0 | 263 | 0 | 0 | 0 | - | - | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | |
| III | Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng | 27.818 | 6.195 | 5.631 | - | 5.631 | 564 | - | 564 | 21.623 | 19.657 | 0 | 19.657 | 1.966 | 0 | 1.966 | 2.152 | 2.038 | 1.928 | - | 1.928 | 110 | - | 110 | 114 | 47 | 0 | 47 | 47 | 0 | 47 | 7.74 | 32.90 | 0.53 | | | | | |
| 1 | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp | 22.102 | 6.195 | 5.631 | - | 5.631 | 564 | - | 564 | 15.907 | 14.461 | 0 | 14.461 | 1.446 | 0 | 1.446 | 2.038 | 2.038 | 1.928 | - | 1.928 | 110 | - | 110 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | |
| * | Các Sở, ban, ngành | 4.420 | 1.239 | 1.126 | - | 1.126 | 113 | - | 113 | 3.181 | 2.892 | 0 | 2.892 | 289 | 0 | 289 | 875 | 875 | 875 | - | 875 | - | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 1 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 4.420 | 1.239 | 1.126 | - | 1.126 | 113 | - | 113 | 3.181 | 2.892 | 0 | 2.892 | 289 | 0 | 289 | 875 | 875 | 875 | - | 875 | - | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| * | Phân cấp cho cấp huyện | 17.682 | 4.956 | 4.505 | - | 4.505 | 451 | - | 451 | 12.726 | 11.569 | 0 | 11.569 | 1.157 | 0 | 1.157 | 1.157 | 1.163 | 1.163 | 1.053 | 110 | - | 110 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | |
| 1 | UBND huyện Krông Nô | 2.465 | 692 | 629 | - | 629 | 63 | - | 63 | 1.773 | 1.612 | 0 | 1.612 | 161 | 0 | 161 | 117 | 117 | 110 | - | 110 | 7 | - | 7 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2 | UBND huyện Cư Jút | 2.069 | 580 | 527 | - | 527 | 53 | - | 53 | 1.489 | 1.354 | 0 | 1.354 | 135 | 0 | 135 | 0 | 0 | 0 | - | - | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | UBND huyện Đắk Mít | 2.168 | 607 | 552 | - | 552 | 55 | - | 55 | 1.561 | 1.419 | 0 | 1.419 | 142 | 0 | 142 | 497 | 497 | 442 | - | 442 | 55 | - | 55 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 4 | UBND huyện Đắk Song | 1.873 | 525 | 477 | - | 477 | 48 | - | 48 | 1.348 | 1.225 | 0 | 1.225 | 123 | 0 | 123 | 495 | 495 | 447 | - | 447 | 48 | - | 48 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 5 | UBND huyện Đắk R'lấp | 2.168 | 607 | 552 | - | 552 | 55 | - | 55 | 1.561 | 1.419 | 0 | 1.419 | 142 | 0 | 142 | 0 | 0 | 0 | - | - | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 6 | UBND huyện Tuy Đức | 2.583 | 724 | 658 | - | 658 | 66 | - | 66 | 1.859 | 1.690 | 0 | 1.690 | 169 | 0 | 169 | 0 | 0 | 0 | - | - | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | |
| 7 | UBND huyện Đắk Glong | 2.583 | 724 | 658 | - | 658 | 66 | - | 66 | 1.859 | 1.690 | 0 | 1.690 | 169 | 54 | 169 | 54 | 54 | 54 | - | 54 | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 8 | UBND thành phố Gia Nghĩa | 1.773 | 497 | 452 | - | 452 | 45 | - | 45 | 1.276 | 1.160 | 0 | 1.160 | 116 | 0 | 116 | 0 | 0 | 0 | - | - | - | - | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2 | Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng | 5.716 | 0 | 0 | - | 0 | 0 | - | 0 | 5.716 | 5.196 | 0 | 5.196 | 520 | 0 | 520 | 114 | 0 | 0 | - | - | - | - | 114 | 47 | 0 | | | | | | | | | | | | | |

